

Bản án số: 167/2017/HSST
Ngày 29 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;
2. Ông Nguyễn Văn Môn.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Mai Hương- Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên toà:**
Ông Vi Đức Thứ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 170/2017/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Hoàng P, sinh năm 1990; Tên gọi khác: Vũ Phạm P; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số A, đường G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 11/12; Con ông: Vũ Chí C, sinh năm 1962; Con bà: Hoàng Thị T, sinh năm 1962; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/8/2017 đến ngày 25/10/2017 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh, hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên toà.

* Người bị hại: Anh Nguyễn Đình A, sinh năm 1990

Trú quán: Số X, đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1973

Trú quán: Thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1988

Trú quán: Tổ Z, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1994

Trú quán: Số nhà X, đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

4. Ông Vũ Chí C, sinh năm 1962

Trú quán: Số nhà S, đường G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo Vũ Hoàng P bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 30/4/2017, Vũ Hoàng P đến quán cà phê M ở đường N, phường D, thành phố B ngồi uống nước cùng bạn là anh Nguyễn Đình A và anh Trần Văn Q. Trong khi uống nước, P biết anh Đình A có đi xe mô tô dựng ở cửa quán nên nảy sinh ý định lừa lấy chiếc xe mô tô của anh Đình A đem đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu cá nhân và trả nợ. Để thực hiện ý định, P có nói dối anh Đình A cho P mượn xe một lúc để đi giải quyết công việc cá nhân. Do là bạn bè quen biết nhau từ trước, anh Đình A đồng ý và giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển soát 98B2- 490.40 cho P. Lấy được xe, P không đi giải quyết công việc cá nhân mà đi đến quán Internet A ở xã T, thành phố B gặp chủ quán là anh Nguyễn Anh T cầm cố chiếc xe mô tô này cho anh T để vay số tiền 11.000.000đồng. Khi cầm cố P không nói cho anh T biết nguồn gốc chiếc xe do đâu mà có. Lấy được tiền, P lên mạng Internet chơi Rikvip thua hết số tiền 4.000.000đồng và trả nợ hết số tiền 7.000.000đồng.

Sau khi thấy P không trả xe như đã hứa, anh Đình A gọi điện đòi xe nhiều lần và đến nhà gặp thì được P cho biết đã cầm cố chiếc xe và không có khả năng chuộc lại xe. Ngày 12/5/2017, anh Đình A đã trình báo Công an thành phố B.

Ngày 18/5/2017, ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1973 trú tại thôn N, xã T, thành phố B là bố vợ anh Nguyễn Đình A đã đến gặp anh Nguyễn Anh T xin chuộc chiếc xe 98B2- 490.40 hết số tiền 13.000.000đồng.

Ngày 16/8/2017, Cơ quan điều tra đã bắt tạm giam đối với Vũ Hoàng P.

Tại kết luận định giá số 69/KL-HĐĐG ngày 16/6/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu sơn trắng nâu, biển kiểm soát 98B2- 490.40, số máy JF51E0290543, số khung 5126FY048421, xe đã qua sử dụng có giá trị là 43.000.000đồng.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Đình A đã trả ông Mạnh số tiền 13.000.000đồng. Ngày 02/10/2017, ông Vũ Chí C (là bố đẻ P) đã bồi thường cho anh Nguyễn Đình A số tiền 13.000.000đồng. Đến nay, anh Đình A không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Hoàng P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 171/KSĐT ngày 31/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Vũ Hoàng P về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Người bị hại là anh Nguyễn Đình A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Ngày 30/4/2017 Vũ Hoàng P có hành vi chiếm đoạt của anh chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 490.40 để cầm cố lấy tiền ăn tiêu. Đến ngày 18/5/2017 bố vợ anh là ông Nguyễn Văn M đã đi chuộc chiếc xe mô tô trên về cho anh, nguồn gốc chiếc xe nêu trên là của vợ anh là chị Nguyễn Thị Thúy N. Sau đó, vợ chồng anh đã trả cho ông M số tiền 13.000.000đồng và

gia đình bị cáo đã bồi thường đủ cho anh số tiền 13.000.000đồng. Nay anh không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì và đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại cơ quan điều tra như sau: Ngày 30/4/2017 anh đang ở quán Internet của anh thì Vũ Hoàng P đến nhờ anh cho P gửi chiếc xe mô tô biển số 98B2- 490.40, nhãn hiệu Honda SH Mode để làm tin và đề nghị vay số tiền 11.000.000đồng. Do mối quan hệ quen biết từ trước và tin tưởng P nên anh không hỏi gì P về giấy tờ, nguồn gốc xe và đồng ý cho P vay 11.000.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thúy V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 98B2- 490.40 là tài sản của chị mua trước thời kỳ hôn nhân. Ngày 30/4/2017 chị có cho chồng là anh Nguyễn Đình A mượn và bị P chiếm đoạt, nay chị đã nhận lại chiếc xe chị không có yêu cầu bồi thường gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Chí C có mặt tại phiên tòa và trình bày như sau: Ông là bố của P, sau khi anh Đình A trả tiền chuộc xe cho ông Mạnh, ông đã trả lại cho anh Đình A số tiền 13.000.000đồng, số tiền này là tiền của cá nhân ông, ông không yêu cầu bị cáo P phải bồi thường gì.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vắng mặt tại phiên tòa, đã được Hội đồng xét xử công bố lời khai tại cơ quan điều tra, bị cáo đồng ý và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Vũ Hoàng P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Vũ Hoàng P từ 15 tháng đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được trả lại cho người bị hại, gia đình bị cáo đã bồi thường cho người bị hại số tiền chuộc tài sản, người bị hại không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 30/4/2017, tại quán cà phê M, đường L, phường D, thành phố B Vũ Hoàng P có hành vi dùng thủ đoạn

gian dối chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, màu sơn trắng nâu, biển kiểm soát 98B2-490.40 có giá trị 43.000.000đồng của anh Nguyễn Đình A, sinh năm 1990 trú tại số 955, đường L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo qui định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối lợi dụng lòng tin, để chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm phạm trực tiếp đến quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại giai đoạn điều tra cũng như trước phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải. Quá trình điều tra bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền chuộc xe. Bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội. Người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên cần áp dụng điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo Vũ Hoàng P có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hiện tại, có nơi ở rõ ràng, từ trước đến nay bị cáo chưa vi phạm pháp luật lần nào, bị cáo là người có nhân thân tốt, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Vì vậy, căn cứ vào hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2013/NQ- HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết bắt bị cáo P phải cách ly xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát và giáo dục cũng đủ để giáo dục bị cáo thành người tốt sau này, như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Đình A đã trả ông M số tiền 13.000.000đồng. Ngày 02/10/2017, ông Vũ Chí C (là bố đẻ P) đã bồi thường cho anh Nguyễn Đình A số tiền 13.000.000đồng. Đến nay, anh Đình A không yêu cầu bồi thường gì khác, nên không xem xét giải quyết.

Đối với Nguyễn Anh T là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 490.40 nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên anh T không vi phạm pháp luật.

Đối với hành vi chơi Rikvip trên mạng Internet của Vũ Hoàng P nhưng kết quả điều tra không xác định được thời gian, địa điểm và đối tượng chơi nên không có căn cứ để xử lý đối với P về hành vi này.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tuyên bố bị cáo Vũ Hoàng P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt: Bị cáo Vũ Hoàng P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03(ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/11/2017.

Giao bị cáo Vũ Hoàng P cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
- Chi cục THADS TP.B;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà